

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG CHỮ VIẾT CỦA CÁC NGÔN NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

VŨ THỊ SAO CHI*
NGUYỄN ĐỨC TÔN**

Dựa trên kết quả khảo sát điền dã và phân tích, tổng hợp tư liệu, bài viết bàn luận về vấn đề xây dựng chữ viết của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, khi lựa chọn ngôn ngữ DTTS cần được ưu tiên xây dựng chữ viết trước, có thể tập trung vào hai nhóm: 1) ngôn ngữ dân tộc phổ biến trong vùng; 2) ngôn ngữ nguy cấp, có nguy cơ bị mai một.

Khi xây dựng chữ viết ngôn ngữ DTTS, về nguyên tắc chung, cần đảm bảo tính khoa học, tính dân tộc và tính đại chúng. Về phương án kỹ thuật xây dựng chữ viết, chúng tôi cho rằng, phương án hợp lý hơn cả là xây dựng chữ viết mới theo tự dạng Latin. Đặc biệt lưu ý trong việc chọn âm tiêu chuẩn để đặt chữ viết, cần xây dựng chuẩn chính tả trên cơ sở siêu phương ngữ của ngôn ngữ dân tộc được xây dựng chữ viết. Tránh việc chọn một phương ngữ hay thổ ngữ nhất định làm đại diện để quy định chuẩn chính tả cho cả ngôn ngữ của dân tộc.

Từ khóa: ngôn ngữ dân tộc thiểu số, chữ viết, chuẩn chính tả

Nhận bài ngày: 28/11/2024; *đưa vào biên tập:* 29/11/2024; *phản biện:* 15/12/2024; *duyet đăng:* 10/01/2025

1. MỞ ĐẦU

Chữ viết (văn tự) tuy là hình thức biểu hiện thứ cấp của ngôn ngữ, có sau hình thức khởi nguyên là âm thanh (ngữ âm), nhưng có chức năng xã hội rất quan trọng. Đó là phương tiện giúp truyền bá và lưu giữ các di sản văn hóa, khoa học... của dân tộc bản ngữ và của nhân loại qua không gian và thời gian. Vì vậy, chữ viết đã bỏ khuyết cho những hạn chế mà ngữ âm không thực hiện được, đó là khả

năng lưu truyền ngôn ngữ trong không gian rộng lớn và thời gian vô tận. Khi một ngôn ngữ có chữ viết, chức năng xã hội của ngôn ngữ đó sẽ càng được mở rộng hơn và sức sống của ngôn ngữ đó cũng mãnh liệt hơn so với trạng thái không có chữ viết. Thậm chí, nếu chữ viết nào được coi là chữ viết của ngôn ngữ quốc gia, hoặc quốc tế thì nó còn là phương tiện phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục của đất nước, hoặc của toàn cầu... Đối với ngôn ngữ DTTS, chữ viết cũng là một trong những điều kiện hết sức quan trọng để ngôn ngữ DTTS ấy được bảo tồn, phát huy. Nhìn vào cảnh huống

* Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

ngôn ngữ ở Việt Nam thì việc xây dựng, chuẩn hóa và dạy chữ viết tiếng mẹ đẻ cho cư dân vùng DTTS là hết sức cần thiết để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là để duy trì và bảo tồn các ngôn ngữ DTTS đang có nguy cơ bị mai một. Liên quan đến vấn đề xây dựng chữ viết của các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy có một số nội dung quan trọng cần đặt ra, đó là: 1) Tình hình chữ viết của các ngôn ngữ DTTS và xác định những ngôn ngữ cần xây dựng chữ viết; 2) Phương án xây dựng chữ viết của ngôn ngữ DTTS.

Dựa trên những kết quả khảo sát điền dã của chúng tôi về tình hình ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ DTTS ở các tỉnh Lào Cai, Sơn La, Hà Giang, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Đắk Lắk, An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4/2018 đến 6/2020 và phương pháp phân tích, tổng hợp tư liệu, bài viết này sẽ tập trung bàn luận về vấn đề xây dựng chữ viết của các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam với hai nội dung chính nêu trên.

2. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHỮ VIẾT CỦA CÁC NGÔN NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ XÁC ĐỊNH NHỮNG NGÔN NGỮ CẦN XÂY DỰNG CHỮ VIẾT

2.1. Khái quát tình hình chữ viết của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số

Theo những thống kê gần đây, hiện nay, trong số 53 DTTS của Việt Nam, có hơn 30 dân tộc đã có chữ viết, còn

khoảng 20 dân tộc chưa có chữ viết riêng của ngôn ngữ dân tộc mình⁽¹⁾ (xem Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông, 2013). Có thể xếp các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam đã có chữ viết thành hai nhóm: (1) những ngôn ngữ có chữ viết truyền thống từ lâu đời và (2) những ngôn ngữ có chữ viết mới được xây dựng theo tự dạng Latin.

2.1.1. Những ngôn ngữ có chữ viết truyền thống từ lâu đời

Theo các tài liệu nghiên cứu, trong số hơn 30 ngôn ngữ DTTS đã có chữ viết ở Việt Nam thì có khoảng 10 ngôn ngữ có chữ viết cổ truyền. Trong đó có một số bộ chữ viết cổ truyền chỉ xuất hiện trong các văn bản thư tịch cổ và hiện không còn được sử dụng, hoặc có rất ít người sử dụng (chỉ được các thầy cúng sử dụng trong một số hoạt động tín ngưỡng: cầu cúng, tế lễ,...), chẳng hạn các loại chữ: Nôm Tày, Nôm Nùng, Nôm Dao... Số ngôn ngữ có chữ viết cổ truyền vẫn tiếp tục được duy trì và sử dụng phổ biến trong cộng đồng dân tộc bản ngữ, có thể kể đến đó là: tiếng Thái, tiếng Khmer, tiếng Chăm,...

Tiếng Thái là một trong những ngôn ngữ đã có chữ viết từ rất sớm. Chữ Thái cổ của người Thái ở Việt Nam lại có nhiều biến thể tự dạng khác nhau. Tuy nhiên, các biến thể tự dạng của tiếng Thái ở Việt Nam đều bèn rễ từ một gốc chữ Sanscrit (Ấn Độ). Chúng hoàn toàn giống nhau về nguyên tắc dùng phụ âm và nguyên âm để ghép vần ghi được âm tiết tiếng Thái. Bà Lò

Mai Cương cho biết, năm 2006, Hội đồng Khoa học tỉnh Sơn La đã nghiệm thu Đề tài khoa học *Thiết kế phần mềm font chữ Thái trên vi tính* do Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La chủ trì. Bộ Font chữ Thái được thiết kế trên nền chữ Thái cổ của dân tộc Thái Đen vùng Tây Bắc đã được sử dụng để biên soạn tài liệu giảng dạy tiếng Thái, được các nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà thơ sử dụng để biên soạn, sáng tác, sưu tầm, bảo tồn các tác phẩm văn hóa Thái. Tháng 5/2008, Mạng lưới bảo tồn và phát triển tri thức bản địa dân tộc Thái Việt Nam (VTIK) đã tổ chức hội thảo với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia dân tộc Thái của 7 tỉnh có đồng bào Thái sinh sống, gồm: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Hòa Bình, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An. Hội thảo này đã thống nhất được bộ chữ Thái Việt Nam và nhất trí lấy bộ chữ Thái Đen vùng Tây Bắc làm chuẩn, bổ sung thêm 6 phụ âm (3 cặp tô) của Thái Trắng, 2 dấu ghi thanh điệu và đặt tên là *Chữ Thái Việt Nam* (dẫn theo Lò Mai Cương, 2020). Bộ chữ cổ truyền của dân tộc Thái đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt ban hành năm 2013 (trong Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê chuẩn Bộ chữ cổ truyền dân tộc Thái tỉnh Sơn La).

Ngoài chữ viết cổ truyền được cải tiến như đã nêu trên, tiếng Thái còn có chữ viết Latin hóa. Chữ Thái Latin hóa được Nhà nước Việt Nam xây dựng

từ những năm 70 của thế kỷ XX, sau đó đã được đưa vào dạy học ở vùng người Thái với mục đích phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên, cộng đồng người Thái dường như không mặn mà với chữ Thái Latin mà vẫn hướng về chữ Thái truyền thống. Do có từ lâu đời và gắn với những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, lại có tính phổ biến và vẫn phát huy được chức năng của mình, nên chữ Thái cổ truyền vẫn còn được sử dụng tương đối phổ biến và có vai trò khá lớn trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của đồng bào Thái: ghi chép các truyện thơ, sáng tác văn học, ghi chép hằng ngày, trao đổi thư từ... Chính vì thế, hiện nay, ở vùng người Thái, các địa phương đều chọn dạy chữ Thái truyền thống. Đồng bào dân tộc Thái cũng có mong muốn, nguyện vọng con em mình được học chữ Thái cổ truyền. Chẳng hạn, ở Sơn La, tiếng Thái và chữ Thái truyền thống được đưa vào dạy học thí điểm trong trường tiểu học từ năm học 2016-2017⁽²⁾ (Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi, 2022: 289).

Tiếng Khmer có chữ Khmer dựa trên tự dạng Sanscrit, có nguồn gốc từ chữ Pallava, một biến thể của chữ Grantha mà nguyên thủy là chữ Tamil-Brahmi ở Ấn Độ⁽³⁾. Loại chữ này vốn được dùng để chép kinh Phật giáo Nam tông tiếng Pali. Hiện nay, chữ Khmer cổ truyền vẫn được sử dụng tương đối thống nhất và ổn định ở vùng người Khmer Nam Bộ, Việt Nam. Do có vị thế là ngôn ngữ dân tộc phổ biến trong vùng, cho nên, từ nhiều

năm qua, tiếng Khmer và chữ Khmer đã và đang được tổ chức dạy học ở nhiều tỉnh vùng Tây Nam Bộ. Ngày 25/7/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra Thông tư số 24/2014/TT-BGDĐT ban hành chương trình tiếng Khmer cấp tiểu học và trung học cơ sở. Theo đó, tiếng Khmer là một môn học tự chọn đã chính thức được đưa vào chương trình dạy học cho học sinh dân tộc Khmer cấp tiểu học và trung học cơ sở ở các tỉnh vùng Tây Nam Bộ. Từ năm học 2016-2017, một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ tiếp tục triển khai chương trình dạy học tiếng Khmer lên cấp trung học phổ thông. Ở một số tỉnh có đông người Khmer như Sóc Trăng, Trà Vinh, hầu hết các huyện/thị trong tỉnh đều tổ chức dạy học tiếng Khmer trong trường phổ thông⁽⁴⁾ (Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi, 2022: 242). Ngoài ra, phần lớn người Khmer ở vùng Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông, đời sống văn hóa tinh thần và các thiết chế cộng đồng gắn với nhà chùa. Nhiều chùa Phật giáo Nam tông Khmer cũng dạy chữ Khmer cho các phật tử của mình.

Với tiếng Chăm thì tình hình tiếng nói và chữ viết có sự phân hóa phức tạp hơn. Theo các nhà nghiên cứu, tiếng Chăm có hai phương ngữ chính: Chăm Đông và Chăm Tây. Phương ngữ Chăm Đông được những người Chăm ven biển ở các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận và Đồng Nai của Việt Nam sử dụng. Phương ngữ Chăm Tây được người Chăm ở Campuchia

cũng như các tỉnh lân cận ở Việt Nam như An Giang và Tây Ninh sử dụng. Hai vùng nói tiếng Chăm bị tách biệt cả về địa lý và văn hóa, người nói phương ngữ Chăm Đông với người nói phương ngữ Chăm Tây không dễ hiểu lẫn nhau⁽⁵⁾. Không những về tiếng nói mà cả chữ viết ở hai vùng người Chăm cũng có sự khác biệt. Người Chăm Đông đa số theo tôn giáo Bàlamôn hoặc Bani, họ sử dụng bộ chữ Phạn (Sanskrit) thuộc hệ Bhrami. Người Chăm Tây theo Hồi giáo Islam, hằng ngày đọc kinh Koran nên họ sử dụng bộ chữ Ả-rập. Khi tổ chức dạy học tiếng Chăm trong các cơ sở giáo dục ở tỉnh An Giang nói riêng và ở các vùng người Chăm của Việt Nam nói chung, việc chọn bộ chữ Chăm nào để dạy học đã trở thành một vấn đề nan giải, gây ra nhiều luồng ý kiến, quan điểm khác nhau. Nguyên do chính là bởi tình hình chữ viết tiếng Chăm ở Việt Nam hết sức phức tạp, các vùng người Chăm sử dụng các bộ chữ viết khác nhau như đã nêu trên và không thể thống nhất hay dung hợp làm một được. Do sự chi phối của tôn giáo, người Chăm ở vùng Nam Trung Bộ (tập trung ở một số tỉnh như: Ninh Thuận, Bình Thuận,...) đa số theo các tôn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ nên sử dụng bộ chữ Chăm dựa trên ký tự Sanscrit (chữ *Akhar Thrah*), trong khi đó, người Chăm ở vùng Tây Nam Bộ nói chung, An Giang nói riêng, đa số theo Hồi giáo Islam nên sử dụng bộ chữ Chăm dựa trên mẫu tự Ả-rập để thuận

tiện cho việc đọc, chép Kinh Koran. Chính những đặc điểm khác biệt trên đã dẫn đến tình hình dạy học tiếng Chăm ở Việt Nam gặp khó khăn, không có sự thống nhất giữa các vùng, các địa phương khác nhau.

Ngoài các bộ chữ Chăm truyền thống, tiếng Chăm còn có bộ chữ Latin được tổ chức SIL (Viện Ngôn ngữ học Mùa Hè của Hiệp hội Ngôn ngữ học Hoa Kỳ) xây dựng từ trước năm 1975. Song, tương tự như tình hình của chữ Thái Latin hóa, chữ Chăm Latin cũng không được cộng đồng người Chăm ở các vùng đón nhận. Do đời sống sinh hoạt hằng ngày gắn bó mật thiết với tôn giáo nên người Chăm vẫn ưa sử dụng các bộ chữ Chăm truyền thống để thuận lợi cho việc đọc, chép kinh kệ. Và cũng do chi phối bởi yếu tố tôn giáo mà hai cộng đồng Chăm ở hai khu vực Nam Trung Bộ (Chăm Đông) và Tây Nam Bộ (Chăm Tây) sử dụng hai loại chữ viết khác nhau như đã nêu trên. Hiện nay, ở hai vùng người Chăm vẫn đang tổ chức dạy học hai loại chữ Chăm truyền thống ở trong thánh đường và các cơ sở giáo dục. Riêng ở An Giang, tiếng Chăm và chữ Chăm Ả-rập được đưa vào dạy học thí điểm trong 2 trường tiểu học ở vùng người Chăm⁽⁶⁾ từ năm học 2017-2018 (Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi, 2022: 296).

Ngoài ra, còn một số ngôn ngữ DTTS khác có chữ viết cổ truyền như: chữ Lôlô, chữ Lự, chữ Nôm Dao, chữ Nôm Tày, chữ Nôm Nùng ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam, nhưng hiện nay có rất

ít người biết sử dụng chúng và hầu như các bộ chữ viết này không còn được phổ biến trong cộng đồng bản ngữ. Theo một nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ ở tỉnh Thái Nguyên, trong số các nhóm DTTS ở địa phương này, chỉ có dân tộc Tày là có chữ viết cổ truyền, gọi là chữ Nôm Tày. Nhưng hiện nay, chữ Nôm Tày không được truyền dạy cho con cháu, nên theo thời gian người Tày cũng quên luôn chữ viết của dân tộc mình. Cũng do cư dân thuộc các nhóm DTTS ở Thái Nguyên hầu như di cư từ các tỉnh khác đến, như từ Lạng Sơn, Yên Bái, Lào Cai, Hòa Bình... nên việc họ bị mai một tiếng mẹ đẻ là điều khó tránh. Vì không biết chữ nên đồng bào hầu như không lưu giữ được những tác phẩm văn học của dân tộc mình. Theo khảo sát, có đến 80% cư dân người DTTS ở Thái Nguyên không nhớ được các tác phẩm văn học, hay các bài hát của dân tộc mình. Trong khi đó, số người bập bõm biết chữ Tày chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Có một số người già chỉ đọc được chữ không thạo viết. Như vậy, chữ Tày cổ truyền đã bị mai một và có nguy cơ bị biến mất (Dương Thanh Hoa, 2010).

2.1.2. Những ngôn ngữ có chữ viết mới được xây dựng theo tự dạng Latin

Ở Việt Nam, các bộ chữ viết DTTS theo tự dạng Latin có số lượng phong phú và phổ biến hơn nhiều so với các bộ chữ viết cổ truyền. Vào những năm 60 của thế kỷ XX, có nhiều ngôn ngữ

DTTS ở Việt Nam được xây dựng chữ viết dựa trên bộ chữ cái Latin, như: chữ H'mông, chữ Tày - Nùng,... Đồng thời, có chữ viết của một số ngôn ngữ được cải tiến theo lối Latin hóa, như chữ Thái ở vùng Tây Bắc, chữ Chăm ở Bình Định, Ninh Thuận. Trong những năm từ 1945 đến 2005, ở Việt Nam, nhất là khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam, tiếp tục có thêm nhiều ngôn ngữ DTTS được xây dựng chữ viết cũng dựa trên hệ thống ký tự Latin. Nhờ vậy, chức năng xã hội của các ngôn ngữ DTTS được mở rộng, hình thức văn học của các ngôn ngữ dần được hình thành, các phong cách chức năng được xuất hiện, điều đó cũng mang lại sự cách tân cho cấu trúc cấu tạo từ của các ngôn ngữ.

Theo chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước Việt Nam, từ nhiều năm qua, chữ viết của các ngôn ngữ DTTS đã được đưa vào dạy học trong nhà trường ở các vùng DTTS, nhưng còn gặp rất nhiều khó khăn. Chẳng hạn, vào những năm 60 của thế kỷ XX, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành cùng một lúc ba bộ chữ viết: chữ Tày - Nùng và chữ H'mông được xây dựng theo tự dạng Latin, chữ Thái cải tiến theo lối Latin hóa và đưa vào dạy trong trường tiểu học bắt đầu từ năm học 1962-1963 ở các địa phương có đông dân tộc tương ứng. Ở vùng Tây Bắc, trong hai năm đầu, người Thái rất phấn khởi cho con em đi học. Nhưng về sau, người ta thấy việc học chữ Thái Latin hóa không đem lại lợi ích gì, lại còn làm chậm trễ

việc học tiếng Việt và chữ Quốc ngữ trong chương trình phổ thông. Đến năm 1968, chữ Thái Latin hóa không còn được dạy ở trường phổ thông trong các vùng người Thái cư trú nữa. Ở vùng Đông Bắc, đến năm 1978, việc dạy chữ và tiếng Tày - Nùng trong trường phổ thông cũng chấm dứt. Việc dạy tiếng và chữ H'mông cũng trong tình trạng tương tự.

Hiện nay, việc dạy học ngôn ngữ DTTS được Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm trở lại: cải tiến chương trình, biên soạn lại sách giáo khoa và tổ chức dạy học thí điểm. Chẳng hạn, Theo Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La tháng 5 năm 2018 và Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai tháng 4 năm 2018, tiếng H'mông và chữ H'mông theo tự dạng Latin được dạy thí điểm ở Sơn La trong các trường dân tộc nội trú THCS và THPT từ năm học 2013-2014; ở tỉnh Lào Cai, tiếng H'mông và chữ H'mông được dạy như một môn học từ lớp 3 đến hết lớp 5 (Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi, 2022: 411). Từ tháng 10 năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 44/2006/QĐ-BGDĐT Ban hành Chương trình dạy tiếng H'mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi. Chương trình tiếng H'mông kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn giáo trình, tài liệu dạy tiếng H'mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi. Bộ chữ tiếng H'mông dùng trong chương trình này là bộ chữ được

Chính phủ phê chuẩn tại Văn bản số 206-CP ngày 27/11/1961.

Tiếng Mường thường được coi là chưa có chữ viết, nhưng trong thực tế, người Mường cư trú tập trung đông đảo ở các tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa vẫn sử dụng các cách phiên âm tiếng Mường bằng chữ Quốc ngữ để in ấn các sáng tác, sưu tầm văn học dân gian của dân tộc mình, mặc dù cách thức này chưa hoàn thiện và không thống nhất, đồng thời mang tính tự phát, nhưng tương đối phổ biến. Với sự hỗ trợ của các chuyên gia Viện Ngôn ngữ học, bộ chữ viết của tiếng Mường theo tự dạng Latin đã chính thức được xây dựng. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 2295 ngày 8/9/2016 về việc phê duyệt bộ chữ dân tộc Mường tỉnh Hòa Bình và ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 27/10/2016 về triển khai ứng dụng bộ chữ dân tộc Mường tại tỉnh Hòa Bình.

Ở Tây Nguyên, một số ngôn ngữ có chữ viết theo tự dạng Latin cũng được triển khai dạy học trong cộng đồng cư dân bản ngữ và trong trường học, chẳng hạn như tiếng Êđê, Giarai M'ông,... Ví dụ: theo một khảo sát của chúng tôi vào năm học 2019-2020 tại tỉnh Đắk Lắk, tiếng Êđê được triển khai dạy học ở 99/424 trường tiểu học và tất cả 14 trường phổ thông dân tộc nội trú trong toàn tỉnh (Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi, 2022: 423).

Các bộ chữ viết theo tự dạng Latin có ưu điểm là phản ánh khá chính xác hệ thống ngữ âm của bản ngữ bằng các

chữ cái theo những quy tắc đơn giản hơn và đặc biệt là rất gần gũi với chữ Quốc ngữ trong cách biểu thị các âm. Song, những bộ chữ viết theo tự dạng Latin của các DTTS ở Việt Nam được xây dựng trong những hoàn cảnh và thời kỳ khác nhau, do các cá nhân, tổ chức khác nhau thực hiện, nên không có sự thống nhất về nguyên tắc, phương pháp. Có những bộ chữ chưa thật sự khoa học, khác xa với chữ Quốc ngữ. Một số dân tộc có tới hai-ba thứ chữ viết theo tự dạng Latin, chẳng hạn, chữ viết của các dân tộc: H'mông, Bana, Êđê, Giarai, Xtiêng, M'ông...

2.1.3. Nhận xét chung

Nhìn chung, lợi thế có chữ viết đã giúp cho nhiều ngôn ngữ DTTS được bảo tồn, phát huy, được đưa vào dạy học trong cộng đồng cư dân và trong nhà trường. Tuy nhiên, liên quan đến chữ viết của các ngôn ngữ DTTS, vẫn còn những hiện trạng nan giải như:

1) Hiện trạng một ngôn ngữ có nhiều bộ chữ viết khác nhau. Thuộc hiện trạng này có hai trường hợp, đó là: a) Các bộ chữ khác nhau và thuộc hệ chữ khác nhau, chẳng hạn: tiếng Thái có chữ Thái cổ truyền với nhiều biến thể tự dạng và chữ Thái Latin hóa; tiếng Chăm có chữ Chăm Đông dựa trên ký tự Sanscrit, chữ Chăm Tây dựa trên ký tự Ả-rập và chữ Chăm Latin hóa;... b) Các bộ chữ khác nhau nhưng cùng hệ chữ, chẳng hạn, cùng hệ chữ Latin như các bộ chữ của tiếng H'mông, Cơ-tu, Giarai,... Hiện tượng một ngôn ngữ có nhiều bộ chữ

khác nhau đã gây ra khó khăn trong việc lựa chọn, chuẩn hóa chữ viết, đồng thời ảnh hưởng đến việc phổ cập chữ viết và phổ biến, duy trì, bảo tồn chữ viết ngôn ngữ trong cộng đồng dân tộc.

Chúng tôi cho rằng, những ngôn ngữ có nhiều bộ chữ viết khác nhau thì cần phải thống nhất và chuẩn hóa chữ viết, không nên một dân tộc mà duy trì cùng lúc nhiều bộ chữ viết khác nhau chỉ vì lý do dân tộc đó có nhiều phương ngữ, thổ ngữ và lầm tưởng những phương ngữ, thổ ngữ đó là những ngôn ngữ khác nhau. Vì nếu khẳng định đó là những ngôn ngữ khác nhau thì đồng thời cũng khẳng định chủ nhân của những ngôn ngữ đó là những tộc người khác nhau. Bằng chứng là ngay đối với ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam là tiếng Việt tuy cũng có nhiều phương ngữ, thổ ngữ, song chữ viết thì hiện nay đã có sự thống nhất, chỉ có một bộ chữ tiếng Việt là chữ Quốc ngữ. Thậm chí, ở một số quốc gia, chẳng hạn như Trung Quốc, nhiều dân tộc khác nhau, nhiều ngôn ngữ khác nhau nhưng quy định sử dụng thống nhất một bộ chữ (chữ Hán).

Việc thống nhất chữ viết cho ngôn ngữ của mỗi dân tộc hiển nhiên cũng đem lại những lợi thế, như: tạo sự kết nối, quy tụ các thành viên trong cộng đồng dân tộc; dễ dàng cho việc quản lý, phát triển ngôn ngữ của dân tộc, nhất là việc phổ biến, dạy học ngôn ngữ dân tộc cho người dân trong cộng đồng.

2) Hiện trạng ngôn ngữ từng có chữ viết nhưng hiện nay chữ viết đó hầu như không còn được sử dụng, dẫn đến mai một và có nguy cơ tiêu vong (mặc dù tiếng nói của ngôn ngữ đó vẫn được duy trì trong cộng đồng DT). Chẳng hạn như: chữ Nôm Dao, chữ Nôm Tày, chữ Nôm Nùng,...

Đó là tình hình của nhiều ngôn ngữ DTTS đã có chữ viết, còn với những ngôn ngữ DTTS chưa có chữ viết thì sự bảo tồn, duy trì và phát triển chúng lại càng nan giải hơn. Chính vì vậy, việc xây dựng chữ viết cho các ngôn ngữ DTTS luôn cần được chú ý, quan tâm.

2.2. Xác định các ngôn ngữ dân tộc thiểu số cần xây dựng chữ viết

Như đã nêu, để bảo tồn, duy trì và phát triển ngôn ngữ của các DTTS, về lý tưởng và lâu dài, tất cả các ngôn ngữ DTTS đều cần phải có chữ viết. Cho nên, những ngôn ngữ chưa có chữ viết thì đều cần được xây dựng chữ viết và theo đó chúng ta sẽ phải tiến hành xây dựng chữ viết cho khoảng 20 ngôn ngữ DTTS thuộc trường hợp này. Tuy nhiên, nhiệm vụ ấy không dễ gì trong một thời gian ngắn mà có thể hoàn thành được, không thể cùng lúc tiến hành xây dựng đồng loạt chữ viết cho nhiều ngôn ngữ khác nhau. Do vậy, phải có sự tính toán, cân nhắc để chọn ra những ngôn ngữ nào cần ưu tiên xây dựng chữ viết trước. Qua khảo sát điền dã, chúng tôi (Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi, 2022) thấy rằng, có hai trường hợp sau cần được ưu tiên:

Một là, ngôn ngữ có chức năng xã hội rộng lớn hơn, điều đó có nghĩa là ngôn ngữ ấy có chức năng làm phương tiện giao tiếp của nhiều dân tộc hơn, có số lượng người nói đông hơn, độ phổ biến rộng hơn, có thể xếp vào ngôn ngữ dân tộc phổ biến trong vùng. Dựa vào thống kê dân số của từng dân tộc, chúng ta có thể xác định được những ngôn ngữ có số lượng người nói đông hơn và theo thứ tự để lựa chọn ngôn ngữ cần ưu tiên xây dựng chữ viết.

Hai là, ngôn ngữ có nguy cơ bị mai một, được xếp vào ngôn ngữ nguy cấp. Có thể coi đây là trường hợp đặc biệt, vì mặc dù ngôn ngữ này có số lượng người nói rất ít, song để bảo tồn, tránh bị mai một thì cần ưu tiên xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ ấy. Chính chữ viết được xây dựng cho một ngôn ngữ đang nguy cấp nếu được người bản ngữ chấp nhận và sử dụng sẽ là phương tiện tối ưu để bảo tồn ngôn ngữ nguy cấp ấy. Khi nghiên cứu cảnh huống ngôn ngữ ở từng vùng DTTS của Việt Nam, chúng tôi đã có thể chỉ ra cụ thể những ngôn ngữ thuộc diện nguy cấp ở từng vùng. Liên quan đến vấn đề xác định ngôn ngữ DTTS cần được xây dựng chữ viết, cũng còn một số trường hợp cần được đặt ra, đó là:

1) Đối với những ngôn ngữ DTTS tuy trong quá khứ đã có chữ viết cổ nhưng loại chữ này hầu như đã thất truyền, chỉ tồn tại trong các văn bản cổ, hiện nay không còn sử dụng, hoặc chỉ sử dụng hãn hữu trong phạm vi

sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng nhất định, như: cầu cúng, tế lễ,... (ví dụ: chữ Nôm Dao, Nôm Tày,...) thì cần được xử lý như thế nào?

Theo quan điểm của chúng tôi, đối với trường hợp những ngôn ngữ DTTS có chữ viết cổ nhưng đã thất truyền thì cũng cần xây dựng chữ viết mới. Không nên khôi phục lại loại chữ viết cổ đã thất truyền để sử dụng lâu dài và phổ biến rộng rãi trong cộng đồng dân tộc vì vừa tốn kém công sức mà lại không đảm bảo hiệu quả (do hầu hết những bộ chữ cổ này đều rất phức tạp, đồng bào khó tiếp thu và vì thế khó có thể phổ cập trong cộng đồng dân tộc).

Tuy nhiên, sẽ có ý kiến cho rằng, nếu vậy thì làm thế nào để tiếp cận các di chỉ, tàng thư của dân tộc chủ thể thứ chữ viết cổ ấy? Làm thế nào để bảo tồn, kết nối với văn hóa truyền thống, với linh hồn tổ tiên, ông cha qua các văn tự cổ của dân tộc? Để giải quyết vấn đề này, chỉ cần đào tạo đội ngũ chuyên gia về văn tự cổ của DTTS bản ngữ, tương tự như cách mà chúng ta đã làm để tiếp cận với kho tàng thư tịch cổ của người Việt được ghi chép bằng chữ Hán và chữ Nôm. Chúng ta đã đào tạo đội ngũ chuyên gia Hán Nôm có thể dịch các văn bản cổ này ra chữ Quốc ngữ để người Việt ngày nay có thể tiếp cận được.

2) Vậy đối với những ngôn ngữ DTTS có chữ viết cổ truyền và hiện nay loại chữ viết này vẫn đang được cộng đồng dân tộc bản ngữ sử dụng (ví dụ

chữ Thái, chữ Khmer,...) thì sẽ xử lý như thế nào?

Chúng tôi thấy rằng, tuy những loại chữ viết cổ truyền nêu trên có sự khác biệt với chữ viết của ngôn ngữ quốc gia là chữ Quốc ngữ, nhưng chúng vẫn được duy trì, sử dụng ở một mức độ nhất định trong cộng đồng dân tộc bản ngữ, đặc biệt là đồng bào vẫn gắn bó, nặng lòng và có nguyện vọng gìn giữ, phát huy, học tập chữ viết cổ truyền đó của dân tộc mình. Vì vậy, nên tiếp tục duy trì, phổ biến chữ viết truyền thống ấy. Mặt khác, ở trường hợp này, tuy là ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam song lại có phần đồng nhất với ngôn ngữ quốc gia của nước láng giềng, có cộng đồng dân tộc với số dân đông đảo sử dụng ngôn ngữ ấy ở nước bạn. Vì vậy, việc phổ biến chữ viết cổ truyền của DTTS ở trường hợp này cũng có nhiều thuận lợi hơn.

Ngoài ra, đối với những dân tộc có chữ viết chưa thực sự khoa học, hoặc có tới hai - ba thứ chữ khác nhau, chẳng hạn, tiếng Thái, tiếng Chăm, tiếng H'mông,... thì cần phải giải quyết vấn đề lựa chọn bộ chữ viết phù hợp và cần chuẩn hóa chúng để thuận lợi cho việc tiến hành truyền dạy ngôn ngữ mẹ đẻ trong cộng đồng dân tộc bản ngữ và trong nhà trường.

3. PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG CHỮ VIẾT CỦA NGÔN NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

3.1. Về nguyên tắc chung

Khi xây dựng chữ viết của ngôn ngữ DTTS, về nguyên tắc chung, cần đảm

bảo *tính khoa học, tính dân tộc và tính đại chúng*.

3.1.1. Về tính khoa học

Tính khoa học trước hết thể hiện ở chỗ, bộ chữ được xây dựng phải phản ánh sát hợp và đầy đủ hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ dân tộc (bao gồm tất cả các nhóm ngôn ngữ/phương ngữ của ngôn ngữ đó), đồng thời có sự khu biệt cao, tức là dễ phân biệt giữa các ký tự.

Nên sử dụng các con chữ trong chữ Quốc ngữ nếu chúng ghi âm đúng âm vị của ngôn ngữ DTTS. Song cần hết sức chú ý để không tạo ra sự xung đột về giá trị của cùng một chữ cái khi được sử dụng trong chữ Quốc ngữ và trong bộ chữ DTTS (chẳng hạn, một số chữ cái ghi phụ âm trong chữ Quốc ngữ nhưng cũng được dùng để ghi thanh điệu trong chữ H'mông như: "k", "l", "r", "s", "v", "x"... và điều đó là một sự bất lợi, chưa đảm bảo tính khoa học, dễ gây ra sự nhầm lẫn cho người dùng). Ngoài ra, cũng nên sử dụng các ký tự trong hệ thống ký hiệu ngữ âm quốc tế mà chữ viết của những ngôn ngữ khác đã sử dụng và hạn chế việc tạo ra ký tự mới (chẳng hạn, nên dùng dấu hai chấm đặt ngang trên đầu chữ "o" (ö) để biểu hiện trường độ dài của nguyên âm (như trong chữ cái tiếng Đức), chứ không nên dùng cách viết "oo").

Tính khoa học còn thể hiện ở sự tiết kiệm ký tự. Theo nguyên lý chung, sự tương ứng lý tưởng giữa âm vị và ký tự/con chữ là 1:1. Hạn chế trường hợp một âm vị nhưng được thể hiện

bằng nhiều ký tự/con chữ khác nhau, hoặc ngược lại, những âm vị khác nhau nhưng lại được thể hiện bằng cùng một ký tự/con chữ.

Nguyên tắc tiết kiệm trong xây dựng chữ viết của ngôn ngữ DTTS cũng cần phải xét đến việc tiết kiệm công sức, tiền của. Nếu bộ chữ đã có về cơ bản vẫn còn phù hợp thì có thể kế thừa, tận dụng, chỉ cần cải tiến, hoàn thiện để sử dụng.

3.1.2. Về tính dân tộc

Tính dân tộc thể hiện ở chỗ bộ chữ được xây dựng phải có khả năng kết nối, chuyển tải những giá trị văn hóa của dân tộc, phải gần gũi với tâm thức và phù hợp với ý nguyện của cộng đồng dân tộc là chủ nhân của ngôn ngữ được xây dựng chữ viết. Vì mục đích của việc xây dựng chữ viết cho một ngôn ngữ DTTS phải nhằm giúp ngôn ngữ đó mở rộng và hoàn thành tốt các chức năng xã hội của nó, từ tiền đề thúc đẩy tư duy phát triển giúp cho dân tộc bản ngữ phát triển mạnh mẽ các mặt hoạt động thực tiễn, như phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục... Do đó, khi xây dựng chữ viết mới hay cải tiến một bộ chữ viết đã có thì chữ viết đó phải đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của dân tộc bản ngữ. Trường hợp chữ Thái Latin hóa là một bài học kinh nghiệm. Như chúng ta đã biết, tiếng Thái vốn đã có chữ Thái truyền thống, nhưng vào đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Nhà nước ta đã xây dựng bộ chữ Thái Latin hóa và sau đó để phổ biến rộng rãi, bộ chữ này đã được

đưa vào dạy cho con em đồng bào người Thái ở vùng Tây Bắc. Tuy nhiên, hoạt động này không đạt được kết quả như mong muốn. Cho tới nay, hầu như người Thái không mặn mà với chữ Thái Latin hóa và dường như vẫn chủ yếu hướng về bộ chữ viết truyền thống của dân tộc mình. Nhiều người Thái đã cho rằng, việc học chữ Thái Latin hóa không đem lại lợi ích gì, trong khi đó họ lại rất muốn học và sử dụng chữ Thái cổ truyền, bởi qua chữ Thái cổ truyền họ tri nhận được giá trị văn hóa truyền thống rực rỡ của chính dân tộc họ. Chính vì vậy, để xây dựng một chữ viết mới hay cải tiến, Latin hóa một chữ viết cổ truyền nào đó, điều trước tiên là phải điều tra cẩn thận nguyện vọng của dân tộc bản ngữ và chỉ khi nào thấy rằng họ thực sự có nhu cầu và nguyện vọng thì mới tiến hành. Kinh nghiệm thực tế ở Cộng hòa Liên bang Nga đã cho nhiều bài học về sự thất bại như vậy. Chẳng hạn, việc Latin hóa các bảng chữ cái dựa trên hình chữ Ả-rập đã có tác động tiêu cực là khiến cho dân tộc bản ngữ bị mất khả năng tiếp thu những giá trị văn hóa tinh thần do nhiều thế hệ tiền nhân sáng tạo ra⁽⁷⁾. Đối với Việt Nam, nếu có ý định Latin hóa những chữ viết cổ truyền theo mẫu tự Ả-rập, Sanscrit... thì cần lưu ý kinh nghiệm này để cân nhắc kỹ lưỡng các mặt lợi - hại.

3.1.3. Về tính đại chúng

Tính đại chúng thể hiện ở sự dễ tiếp nhận đối với đông đảo người dân của cộng đồng dân tộc là chủ nhân của

ngôn ngữ được xây dựng chữ viết. Muốn vậy, bộ chữ được xây dựng càng đỡ phức tạp càng tốt, cần phù hợp với trình độ dân trí, phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của đông đảo người dân bản ngữ.

3.2. Về phương án kỹ thuật

Để xây dựng chữ viết cho một ngôn ngữ nào đó, cần thực hiện theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các đối tượng có liên quan: chuyên gia dân tộc học, chuyên gia ngôn ngữ học, trí thức DTTS bản địa,... Đặc biệt, ở đây, chúng tôi hết sức coi trọng vấn đề phương án kỹ thuật xây dựng chữ viết. Bởi vì chỉ khi có phương án kỹ thuật xây dựng thực sự khoa học, phù hợp, thì bộ chữ viết được tạo ra mới có tính ưu việt, phát huy được tác dụng, mới được người bản ngữ đón nhận và dễ dàng tiếp thu. Mỗi tác giả/nhóm tác giả khi bắt tay vào xây dựng chữ viết cho một ngôn ngữ nào đó thì phải đưa ra những phương án kỹ thuật xây dựng cụ thể, và có thể có những cách thức khác nhau. Nhưng theo chúng tôi, cần lưu ý một số nguyên lý sau đây:

Một là, với cảnh huống ngôn ngữ Việt Nam hiện nay, chữ viết của ngôn ngữ DTTS được xây dựng cần đảm bảo được mối quan hệ hài hòa với chữ Quốc ngữ, tức là không tạo ra sự khác biệt quá lớn về loại hình chữ viết, khiến cản trở và gây khó khăn cho quá trình tiếp nhận chữ viết đó cũng như sự tiếp thu nền giáo dục phổ thông của con em đồng bào DTTS. Do vậy, phương án hợp lý hơn cả là xây

dựng chữ viết mới theo tự dạng Latin. Trên thực tế, chữ viết mới của các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam được xây dựng từ giữa thế kỷ XX trở lại đây hầu hết đều dựa trên mẫu tự Latin.

Hai là, khi xây dựng chữ viết dựa trên mẫu tự Latin theo nguyên tắc ghi âm, cần có giải pháp hợp lý trong việc *chọn âm tiêu chuẩn* để đặt chữ viết. Trong thực tiễn, đã có nhiều trường hợp người chế tác chữ viết cho ngôn ngữ DTTS đã lấy ngữ âm của một biến thể vùng, tức lấy một phương ngữ cụ thể làm tiêu chuẩn để xác định chính âm cho hệ thống chữ viết, dẫn đến hệ quả là: 1) Chữ viết được xây dựng chưa thực sự khoa học vì chưa phản ánh bao quát được toàn diện các đặc điểm ngữ âm của ngôn ngữ đó ở tất cả các vùng địa lý có người bản ngữ sinh sống; 2) Người sử dụng các nhóm phương ngữ khác, ngoài phương ngữ được chọn làm âm tiêu chuẩn để đặt chữ viết, đã không thừa nhận bộ chữ được chế tác vì cho rằng bộ chữ đó không phản ánh đúng và đầy đủ tiếng nói thuộc nhóm phương ngữ mà họ đang sử dụng. Chẳng hạn, việc sáng chế chữ Tày - Nùng dựa trên mẫu tự Latin vào những năm 60 của thế kỷ XX chủ yếu dựa trên cơ sở thổ ngữ Tày ở Hòa An (Cao Bằng), hay việc lấy phương ngữ H'mông Hoa (hay H'mông Lèn) ở Sa Pa (Lào Cai) làm âm tiêu chuẩn để xây dựng chữ H'mông Latin hóa chính là những ví dụ điển hình. Người Tày, Nùng ở các địa phương khác đã không đồng tình với bộ chữ Tày - Nùng này vì cho rằng

phương ngữ được chọn làm âm tiêu chuẩn (thổ ngữ Tây ở Hòa An) chưa thực sự tiêu biểu và không thể đại diện cho tiếng Tây ở tất cả các địa phương nói tiếng Tây trong vùng Việt Bắc.

Tương tự như vậy, bộ chữ H'mông Việt Nam cũng có những điểm bất cập vì còn thiếu một số con chữ ghi âm vị có trong những phương ngữ không được chọn làm âm tiêu chuẩn trong tiếng H'mông, hay cách dùng chữ cái đặt cuối âm tiết để ghi thanh điệu tiếng H'mông cũng khiến cho người học dễ bị nhầm lẫn không chỉ ngay trong việc học tiếng H'mông khi chữ cái ghi phụ âm và khi chữ cái ấy ghi thanh điệu, mà còn bị lầm lẫn khi học chữ Quốc ngữ và học ngoại ngữ. Trước đây, khi bàn về vấn đề chọn chuẩn ngữ âm hay chính âm cho tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia, Nguyễn Đức Tồn (2014: 21) đã đưa ra quan điểm coi tiếng Việt là một siêu phương ngữ và chuẩn ngữ âm hay chính âm của tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ quốc gia sẽ trùng với âm được ghi theo chuẩn chính tả của chữ Quốc ngữ. Vận dụng vào trường hợp đang bàn, theo quan điểm của chúng tôi, để xây dựng hoặc cải tiến bộ chữ viết của một ngôn ngữ DTTS nhất định, chúng ta cũng cần xây dựng chuẩn chính tả trên cơ sở “siêu phương ngữ” của ngôn ngữ DTTS đó. Không nên chỉ chọn một phương ngữ/thổ ngữ nhất định (cho dù đó có là phương ngữ/thổ ngữ điển hình, nổi trội đi chăng nữa) và lấy phương

ngữ/thổ ngữ đấy là đại diện, làm chuẩn ngữ âm để quy định chuẩn chính tả cho cả ngôn ngữ của dân tộc đó. Chúng tôi thấy rằng, trước hết phải tiến hành điều tra, thu thập hết sức cẩn thận, đầy đủ và khách quan ngữ âm của tất cả các nhóm phương ngữ thuộc ngôn ngữ DTTS được xây dựng chữ viết. Rồi trên cơ sở đó, có phương án lựa chọn, xác định âm chuẩn để đặt chữ viết. Về vấn đề này, chúng tôi đề nghị chọn âm tiêu chuẩn dựa trên tần số xuất hiện của âm ấy trong nhiều phương ngữ nhất, hay nói cách khác, âm ấy xuất hiện trong nhiều phương ngữ nhất. Hệ thống chữ viết cần phải đủ các ký tự để ghi được toàn bộ hệ thống âm vị của ngôn ngữ ấy dù là thuộc bất kỳ phương ngữ nào.

Ngoài ra, về phương án kỹ thuật xây dựng chữ viết cho các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam, chúng tôi còn nhận thấy có thể vận dụng kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ các DTTS ở Cộng hòa Liên bang Nga, đó là việc Cộng hòa Liên bang Nga đã phê duyệt dự án “Bảng chữ cái phương Bắc thống nhất” trên cơ sở ký tự Latin và phê chuẩn bảng chữ cái thống nhất cho các dân tộc phương Bắc. Những người sáng chế văn tự cho các dân tộc phương Bắc là những giáo viên công tác ở phương Bắc xa xôi. Kinh nghiệm này có thể vận dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam - các nhà ngôn ngữ học cần phối hợp với những trí thức DTTS bản địa và giáo viên dạy ở các vùng DTTS

trong việc xây dựng chữ viết cho các dân tộc ở địa phương. Các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam tuy khác nhau về cội nguồn, nhưng đều cùng loại hình đơn lập - phân tích tính, cho nên chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng được bảng chữ cái thống nhất cho các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam.

Nhiều nhà Việt ngữ học cũng đã có chủ trương xây dựng một bộ chữ viết chung cho nhiều ngôn ngữ DTTS. Hoàng Thị Châu (1993) khẳng định: “Điều này không phải là mới mẻ. Trước đây, người Pháp đã làm ở Tây Nguyên như vậy. Các bộ chữ Bahnar, Êđê, Jarai hiện nay ta đang dùng là bằng chứng của sự thống nhất chữ viết ở Tây Nguyên”. Cũng theo Hoàng Thị Châu (1993), “kết quả của các công trình nghiên cứu cho thấy hệ thống ngữ âm của nhiều ngôn ngữ dân tộc ở miền Nam nước ta có những nét cơ bản giống nhau. Tuy chúng được phản ánh bằng những cách viết khác nhau, cái chung vẫn thể hiện rất rõ. Còn hệ thống ngữ âm của các ngôn ngữ đông dân cư ở miền Bắc thì lại rất gần với tiếng Việt”. Chính sự giống nhau này đã có nguồn gốc sâu xa là mối quan hệ cội nguồn và loại hình của các ngôn ngữ ở Việt Nam: Trong số 53 DTTS thì có tới 25 dân tộc sử dụng các ngôn ngữ Nam Á khác nhau có quan hệ cội nguồn với tiếng Việt. Điều này đã thúc đẩy sự tiếp xúc ngôn ngữ tích cực của những người bản ngữ nói các thứ tiếng có quan hệ thân thuộc này và làm tăng cường ảnh hưởng của tiếng Việt đối

với sự phát triển của các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam. Mặt khác, các ngôn ngữ thuộc 5 ngữ hệ ở Việt Nam đều là ngôn ngữ đơn lập - phân tích tính, nhiều ngôn ngữ có thanh điệu... Do vậy, chúng tôi cũng hoàn toàn đồng tình với quan điểm sử dụng bộ chữ Quốc ngữ, kết hợp với việc sử dụng các dấu phụ và biện pháp ghép con chữ để xây dựng chữ viết cho các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam. Như thế, không chỉ có tính khoa học, chữ viết được xây dựng cũng sẽ đảm bảo được tính tiết kiệm và dễ phổ cập đại chúng.

4. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ THAY CHO KẾT LUẬN

4.1. Về xây dựng chữ viết của ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam cần chú ý hai nội dung quan trọng là: xác định các ngôn ngữ cần xây dựng chữ viết và phương án xây dựng chữ viết của ngôn ngữ DTTS. Hiện nay, với khoảng 10 ngôn ngữ có chữ viết cổ truyền trong 30 dân tộc có chữ viết thuộc ngôn ngữ dân tộc mình, tuy nhiên một số bộ chữ viết cổ truyền hiện nay hầu như không còn được sử dụng. Các bộ chữ viết DTTS theo tự dạng Latin có số lượng phong phú và phổ biến hơn nhiều so với các bộ chữ viết cổ truyền.

Đối với những ngôn ngữ DTTS chưa có chữ viết thì phải có sự tính toán, lựa chọn ngôn ngữ cần được ưu tiên xây dựng chữ viết trước. Đó có thể là: 1) ngôn ngữ có chức năng xã hội rộng lớn hơn, thuộc loại ngôn ngữ dân tộc phổ biến trong vùng; 2) ngôn ngữ có

nguy cơ bị mai một, thuộc loại ngôn ngữ ‘nguy cấp’.

Không nên khôi phục, sử dụng lại loại chữ viết cổ những đã thất truyền. Chỉ nên duy trì loại chữ viết cổ truyền hiện nay vẫn đang được cộng đồng dân tộc bản ngữ sử dụng phổ biến. Đối với những ngôn ngữ có chữ viết chưa thực sự khoa học, hoặc ngôn ngữ có hai, ba chữ viết khác nhau, thì cần phải lựa chọn bộ chữ viết phù hợp và cần chuẩn hóa chúng để thuận lợi cho việc truyền dạy ngôn ngữ mẹ đẻ trong cộng đồng dân tộc bản ngữ và trong nhà trường.

4.2. Khi xây dựng chữ viết của ngôn ngữ DTTS, về nguyên tắc chung, cần đảm bảo tính khoa học, tính dân tộc và tính đại chúng. Bộ chữ được xây dựng phải phản ánh sát hợp và đầy đủ hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ DTTS (bao gồm tất cả các phương ngữ của ngôn ngữ đó), đồng thời dễ phân biệt giữa các ký tự. Bộ chữ mới này cần có số lượng ký tự tối thiểu cần thiết, nghĩa là phải tiết kiệm, đảm bảo tối đa được sự tương ứng lý tưởng giữa âm vị và ký tự/ con chữ là 1:1. Nếu bộ chữ nào chỉ tồn tại những khiếm khuyết không nghiêm trọng, về cơ bản vẫn còn phản ánh phù hợp hệ thống ngữ âm và tiện dụng thì có thể kế thừa, chỉ cần tiến hành cải tiến, hoàn thiện.

Bộ chữ viết mới cần phải đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của dân tộc bản ngữ. Để xây dựng một bộ chữ viết mới hay cải tiến, Latin hóa một bộ chữ viết cổ truyền nào đó,

trước tiên phải điều tra thái độ ngôn ngữ, chỉ khi nào thấy rằng dân tộc bản ngữ thực sự có nhu cầu và nguyện vọng thì mới tiến hành. Bộ chữ viết mới cũng cần dễ tiếp nhận, phù hợp với trình độ dân trí và tâm lý của dân tộc bản ngữ.

4.3. Để xây dựng chữ viết cho một ngôn ngữ, cần có sự tham gia của các đối tượng hữu quan: các chuyên gia dân tộc học và ngôn ngữ học, trí thức DTTS bản địa,... Đặc biệt, cần hết sức coi trọng phương án kỹ thuật xây dựng chữ viết. Cần lưu ý một số nguyên lý sau đây:

Một là, phương án hợp lý hơn cả là xây dựng chữ viết mới theo tự dạng Latin để không cản trở và gây khó khăn cho quá trình tiếp nhận chữ viết đó cũng như tiếp thu nền giáo dục phổ thông của con em đồng bào DTTS.

Hai là, cần có giải pháp hợp lý trong việc *chọn âm tiêu chuẩn* để đặt chữ viết. Cụ thể là, nên xây dựng chuẩn chính tả trên cơ sở “siêu phương ngữ” của ngôn ngữ DTTS được xây dựng chữ viết. Không nên chỉ chọn một phương ngữ hay thổ ngữ nhất định làm đại diện và làm chuẩn ngữ âm để quy định chuẩn chính tả cho ngôn ngữ của cả dân tộc. Phải tiến hành điều tra, thu thập hết sức cẩn thận, đầy đủ và khách quan ngữ âm của tất cả các nhóm phương ngữ thuộc ngôn ngữ DTTS được xây dựng chữ viết. Trên cơ sở đó, có phương án lựa chọn, xác định âm chuẩn để đặt chữ viết. Cơ sở để chọn âm tiêu chuẩn là tần số xuất hiện của âm ấy trong các phương ngữ,

nói cụ thể hơn, âm ấy xuất hiện trong nhiều phương ngữ nhất. Hệ thống chữ viết cần phải đủ các ký tự để ghi được toàn bộ hệ thống âm vị của ngôn ngữ ấy dù là thuộc bất kỳ phương ngữ nào.

Các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam đều cùng loại hình đơn lập - phân tích tính, cho nên hoàn toàn có thể xây dựng

được bảng chữ cái thống nhất theo tự dạng Latin cho các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam như một số nhà Việt ngữ học đã có chủ trương. Có thể sử dụng bộ chữ Quốc ngữ, kết hợp với việc sử dụng các dấu phụ và biện pháp ghép con chữ (nếu cần) để xây dựng chữ viết cho các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam. □

CHÚ THÍCH

(1) Xem trong: Институтт зыкознания - Российская Академия Наук, Институтт зыкознания - Вьетнамская Академия Овщественных Наук (2008: 317-319); Nguyễn Hữu Hoàng, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông (2013).

(2) Theo kết quả khảo sát của chúng tôi và Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La, tiếng Thái và chữ Thái cổ truyền được dạy thí điểm tại 4 trường tiểu học và Trung tâm Giáo dục thường xuyên của tỉnh từ năm học 2016-2017.

(3) Wikipedia Bách khoa toàn thư mở, Chữ Khmer.

(4) Theo kết quả khảo sát của chúng tôi và Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng, thời điểm năm học 2019-2020, tất cả 11/11 đơn vị cấp huyện trong tỉnh tổ chức dạy học tiếng Khmer trong trường phổ thông; Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh, thời điểm năm học 2019-2020, có 8/9 đơn vị cấp huyện trong tỉnh tổ chức dạy học tiếng Khmer trong trường phổ thông.

(5) Wikipedia Bách khoa toàn thư mở, *Tiếng Chăm*.

(6) Các trường tiểu học thí điểm dạy tiếng Chăm ở An Giang: Trường Tiểu học A Khánh Hòa, điểm phụ vùng người Chăm (huyện Châu Phú), Trường Tiểu học D Châu Phong (thị xã Tân Châu).

(7) Theo M.I. Isaev (1992: 35), việc xây dựng bảng chữ cái thống nhất trên cơ sở chữ Latin cho đa số các dân tộc phương Bắc là không có cơ sở khoa học. Bảng chữ cái này đã mâu thuẫn với sự phát triển lịch sử - tự nhiên của các dân tộc riêng lẻ và nguyện vọng của họ muốn sử dụng bảng chữ cái Nga. Và người ta đã chuyển bảng chữ cái của các ngôn ngữ dân tộc phương Bắc sang chữ Nga. Việc chuyển đổi văn tự này đã gây ra những hậu quả tiêu cực. Một số dân tộc (Itel'men, Saam, Udegei) đã hoàn toàn bị mất chữ viết của mình. Những chữ viết còn được giữ lại thì không được phát triển đầy đủ.

Cũng theo M.I. Isaev (1979: 5), việc sáng chế và dạy cho các dân tộc phương Bắc và Viễn Đông bảng chữ cái thống nhất trên cơ sở chữ Latin, xét từ mặt ngôn ngữ học là một sự sai lầm, bởi vì đã không tính đến đặc điểm hệ thống âm vị học của các ngôn ngữ. Đồng thời cũng không có lí do gì để phải chuyển văn tự của những dân tộc vốn đã có được dựa trên cơ sở hình chữ Nga sang hình chữ Latin (chẳng hạn như chữ viết của các dân tộc Komi, Udmurt, Osetin, Chuvash).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dương Thanh Hoa. 2010. *Cảnh hướng ngôn ngữ ở Thái Nguyên*. Luận văn, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
2. Hoàng Thị Châu. 1993. “Có thể xây dựng nhiều bộ chữ viết chung cho nhiều ngôn ngữ dân tộc”. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1&2/1993.
3. Lò Mai Cương. 2020. “Giữ gìn, bảo tồn và phát triển chữ viết dân tộc Thái Việt Nam trong thời kỳ hội nhập”. Hội thảo khoa học quốc tế: *Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh ngôn ngữ học khu vực và thế giới*. Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Tồn. 2014. “Vấn đề chuẩn hóa ngữ âm của tiếng Việt hiện nay”. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3/2014.
5. Nguyễn Đức Tồn, Vũ Thị Sao Chi. 2022. *Giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam: Từ lý luận và thực tiễn đến cơ chế chính sách*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Hữu Hoành, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông. 2013. *Hệ thống ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc ở Việt Nam (Những vấn đề chung)*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. 2013. Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 về việc phê chuẩn Bộ chữ cổ truyền dân tộc Thái tỉnh Sơn La.
8. Институтт языкознания - Российская Академия Наук, Институтт языкознания - Вьетнамская Академия Обществeнных Наук. 2008. *Функционирование языков в многонациональном государстве: Россия и Вьетнам*. Москва - Ханой. (Viện Ngôn ngữ học - Viện Hàn lâm Khoa học Nga, Viện Ngôn ngữ học - Viện Khoa học xã hội Việt Nam. 2008. *Sự hành chức của các ngôn ngữ trong quốc gia đa dân tộc: Nga và Việt Nam*. Moskva - Hà Nội).
9. Исаев М.И. 1979. “Языковое строительство в СССР”. В книге: *Процесс создания письменности народов СССР*. Москва: Наука. (Isaev M.I. 1979. “Xây dựng ngôn ngữ ở Liên Xô”. Trong *Quá trình sáng chế chữ viết của các dân tộc ở Liên Xô*. Moskva: Nxb. Khoa học).
10. Исаев М.И. 1992. “Основные этапы формирования языков народов бывшего Советского Союза”. В книге: *Языковая ситуация в Российской Федерации*. Москва: Наука (Isaev M.I. 1992. “Các giai đoạn cơ bản của việc xây dựng ngôn ngữ của các dân tộc thuộc Liên Xô cũ”. Trong *Cảnh hướng ngôn ngữ ở Liên bang Nga*. Moskva: Nxb. Khoa học).
9. Wikipedia Bách khoa toàn thư mở. *Chữ Khmer*. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_Khmer, truy cập ngày 15/10/2019.
10. Wikipedia Bách khoa toàn thư mở. *Tiếng Chăm*. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ch%C4%83m, truy cập ngày 15/10/2019.